

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
(đợt 5) cho 08 hộ gia đình, cá nhân do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện
dự án Đường Công Hộ phường 8, thành phố Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc quy định hạn mức các loại đất khi giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành quy trình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND Tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn

tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ;

Căn cứ Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của UBND Tỉnh về việc ban hành quy định về giá nhà, giá vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2015 - 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND Tỉnh; Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2015 - 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành quy định giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi, diêm nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan thực hiện thủ tục gia hạn sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 28/11/2014; Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 của UBND Tỉnh về việc bổ sung nội dung ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh được ban hành Quyết định thu hồi đất và Công văn số 2629/STNMT-CCQLĐĐ ngày 13/8/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 của UBND Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 34/2015/UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy trình trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Nguyễn Thị Minh Khai (trước đây là Đường Công Hộ) phường 8, thành phố Vũng Tàu;

Thực hiện Thông báo số 3004/TB-UBND ngày 31/5/2017 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Nguyễn Thị Minh Khai (trước đây là đường Công Hợp) phường 8, thành phố Vũng Tàu;

Xét Tờ trình số 835/TTr-HĐBT ngày 11/7/2018 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Về việc đề nghị thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 5) cho 08 hộ gia đình, cá nhân do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Công Hợp phường 8, thành phố Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, thành phố Vũng Tàu tại Tờ trình số ~~2957~~ 2957/TTr-TNMT ngày ~~20/8~~ 20/8/2018 Về việc đề nghị thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 5) cho 08 hộ gia đình, cá nhân do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Công Hợp phường 8, thành phố Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 5) cho 08 hộ gia đình, cá nhân do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Công Hợp phường 8, thành phố Vũng Tàu, với nội dung như sau:

1. Thông tin thửa đất bị thu hồi :

- a) Bản đồ thu hồi đất:
- Số thửa : 23; 57; 42, 42/1, 58, 58/1; 52; 22; 79, 80; 21; một phần thửa 35 (mới 48).
- b) Bản đồ địa chính phường 8 :
- Số thửa : 72; 141; 52; 73; 260; 269; 949.
- Số tờ : 30; 37; 42 (05); 5; 23

2. Diện tích đất thu hồi :

- a) Diện tích đất không đủ điều kiện tính bồi thường, hỗ trợ : **143,50 m²**
- b) Diện tích đất tính bồi thường, hỗ trợ : **126,90 m²**
- Trong đó: 16,60 m²

Trong đó:

- Diện tích đất ở : 16,50 m²
- Diện tích đất nông nghiệp : 0,10 m²

3. Số hộ gia đình, cá nhân có tài sản bị giải tỏa : 08 hộ

4. Số hộ tái định cư : 00 hộ

5. Số hộ giao đất ở : 00 hộ

6. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ : 196.226.101 đồng.

(Một trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi sáu ngàn, một trăm lẻ một đồng)

Gồm có:

- Kinh phí bồi thường cho các hộ : **192.378.530 đồng**
- Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB : **3.847.571 đồng (1)**
- Trong đó Kinh phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể do Phòng Tài nguyên và Môi trường : **0 đồng (2)**

thuê

Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB còn lại = 1 - 2 : 3.847.571 đồng

Trong đó:

- Hội đồng BT, HT và TĐC	(10%) :	384.757	đồng
- Trung tâm phát triển quỹ đất TPVT	(65%) :	2.500.922	đồng
- Phòng Tài nguyên và Môi trường	(13%) :	500.184	đồng
- Ban QLDA Đầu tư xây dựng 2	(2%) :	76.951	đồng
- UBND phường 8	(5%) :	192.379	đồng
- Sở Tài chính	(1%) :	38.476	đồng
- Sở Tài nguyên và Môi trường	(2%) :	76.951	đồng
- Chi cục Quản lý Đất đai	(2%) :	76.951	đồng

(Theo Bảng tổng hợp thu hồi đất và kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đính kèm).

7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: Do Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2, thành phố Vũng Tàu chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức chi trả cho từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên trong Bảng tổng hợp đính kèm. Nộp trả kinh phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể vào tài khoản của phòng Tài nguyên và Môi trường và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trong thời gian 30 ngày kể từ khi ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm phối hợp với UBND phường 8, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 phổ biến và niêm yết công khai quyết định tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất bị thu hồi; gửi quyết định đến từng người, đơn vị có đất bị thu hồi, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (*nếu có*), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (*nếu có*) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi.

2. Trường hợp chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất thu hồi, ngoài số tiền đã được UBND thành phố Vũng Tàu ban hành quyết định phê duyệt kinh phí thì Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 có trách nhiệm thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng và thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người có đất bị thu hồi (*nếu có*) hoặc các giấy tờ có liên quan được quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai (*nếu có*), chuyển cơ quan chuyên môn lập thủ tục chỉnh lý biến động đất đai theo quy định.

4. Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Chi Cục thuế, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 có trách nhiệm phối hợp thực hiện việc khấu trừ đi khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính vào số tiền được bồi thường để hoàn trả ngân sách nhà nước đối với những trường hợp người sử dụng đất được bồi thường khi Nhà

nước thu hồi đất mà chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải quyết khiếu nại:

Người có đất bị thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền thì vẫn phải tiếp tục thực hiện Quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND thành phố Vũng Tàu và chịu trách nhiệm tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, bàn giao mặt bằng bị thu hồi đúng thời gian quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Vũng Tàu; các Trưởng phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Kinh tế; Chi Cục trưởng Chi Cục thuế; Chủ tịch UBND phường 8; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2, Thủ trưởng các cơ quan, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Tài chính;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TTr.UBND thành phố Vũng Tàu;
- Kho bạc Nhà nước Vũng Tàu;
- Chi cục Quản lý đất đai;
- Lưu : VT, TH. (Khái -2 bản)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Vũ Thành

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ 08 HỘ (ĐỢT 5)

(Ban hành kèm Quyết định số 5542 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Vũng Tàu)

Công trình: Đường Cống Hộp phường 8, thành phố Vũng Tàu

Số TT	CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT	ĐỊA CHỈ NƠI CÓ ĐẤT THU HỒI	SỐ THỬA BẢN ĐỒ THU HỒI ĐẤT	BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH PHƯỜNG		DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI	DIỆN TÍCH ĐẤT BỒI THƯỜNG	PHÂN LOẠI ĐẤT		CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC KHOẢN HỖ TRỢ	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
				SỐ THỬA	SỐ TỜ			ĐẤT Ở	NÔNG NGHIỆP	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC			
1	Ông, bà: Mạc Thị Mỹ	208C Bình Giã, phường 8, thành phố Vũng Tàu.	23	72	30	0,10	0,10	0,00	0,10	346.100	881.730	0	0	0	1.227.830	
2	Ông, bà: Trần Tuy	170/5 Bình Giã, phường 8, thành phố Vũng Tàu.	57	141	37	19,80	0,00	0,00	0,00	0	40.000	400.000	0	0	440.000	
3	Ông, bà: Hoàng Cẩm	Hẻm 239 Lê Hồng Phong, phường 8, thành phố Vũng Tàu	42, 42/1, 58, 58/1	52	42 (05)	88,00	0,00	0,00	0,00	0	408.500	0	0	0	408.500	
4	Ông, bà: Trần Văn Vượng	Hẻm 239 Lê Hồng Phong, phường 8, thành phố Vũng Tàu	52	73	30	4,50	0,00	0,00	0,00	0	58.000	0	0	0	58.000	
5	Ông, bà: Phùng Thị Diễm Dung	12 Nguyễn Kim, phường 4, thành phố Vũng Tàu.	22	949	5	5,30	0,00	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	
6	Ông, bà: Nguyễn Tiến Cường Lê Thị Thùy Linh	03 Tăng Bạt Hổ, phường 9, thành phố Vũng Tàu.	79, 80	260, 269	37	16,50	16,50	16,50	0,00	190.162.500	0	0	0	0	190.162.500	

7	Ông, bà: Đinh Văn Hùng	63/3 Trương Công Định, phường 8, thành phố Vũng Tàu.	21	949	5	8,00	0,00	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	
8	Ông (bà): Vũ Như Bắc Vũ Thị An	Hẻm 58 Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu.	Một phần thửa 35 (mới 48)	260	23	1,30	0,00	0,00	0,00	0	81.700	0	0	0	81.700	
TỔNG CỘNG						143,50	16,60	16,50	0,10	190.508.600	1.469.930	400.000	0	0	192.378.530	

* Diện tích đất thu hồi 143,50 m2.

* Diện tích đất không đủ điều kiện tính bồi thường, hỗ trợ 126,90 m2.

* Diện tích đất tính bồi thường, hỗ trợ 16,60 m2.

Trong đó:

- Diện tích đất ở 16,50 m2.

- Diện tích đất nông nghiệp 0,10 m2.

* Số hộ dân có tài sản bị giải tỏa 8 hộ

* Số hộ tái định cư 0 hộ

* Số hộ giao đất ở mới 0 hộ

* Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình cá nhân, đơn vị **192.378.530** đồng.

* Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB 192.378.530 x 2 % **3.847.571** đồng (1)

* Kinh phí thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường thuê 0 đồng (2)

* Kinh phí 2% phục vụ BTGT còn lại = 1 - 2 3.847.571 đồng

Trong đó:

- Hội đồng BT, HT & TĐC, TP.Vũng Tàu (10%) 384.757 đồng

- Trung tâm phát triển quỹ đất, TP.Vũng Tàu (65%) 2.500.922 đồng

- Phòng Tài nguyên và Môi trường, TP.Vũng Tàu (13%) 500.184 đồng

- Ban QLDA Đầu tư xây dựng 2(2%) 76.951 đồng

- UBND phường 8 (5%) 192.379 đồng

- Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1%) 38.476 đồng

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2%)

76.951 đồng

- Chi cục Quản lý Đất đai (2%)

76.951 đồng

*** Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ**

196.226.101 đồng

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi sáu ngàn, một trăm lẻ một đồng) *Ký*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *mum*



[Signature]
Hoàng Vũ Thành